

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 12

Phần b: Riêng biệt trình bày về biển hương thuộc chủng loại-quốc độ, cùng giải thích về hai chương: Nghĩa là biển hương dựa vào sát hải(Vô số quốc độ), chủng loại-quốc độ dựa biển hương. Các quốc độ dựa vào chủng loại-quốc độ, cũng có trường hàng và kệ tụng.

Phần trường hàng phân ba: Một: Tổng quát nêu ra chỗ dựa của các biển; hai: Theo thứ tự riêng biệt hiển bày về chủng loại và quốc độ trong biển; ba: Tổng quát tóm lược kết luận giải thích.

Mục một: Trên đây tuy là nêu ra hai chương về chủng loại-quốc độ và quốc độ, nhưng trong phần giải thích về nương tựa cư trú, đều nói là dựa vào biển cho nên nêu ra số lượng của biển. Nhiều biển hương này, đều ở trên mặt đất của sát hải, cho nên nói là chỗ dựa.

Nói là như lưới giăng của Đế Thích, thì phần lớn phân bố tựa như bánh xe. Nhưng có sai khác, nghĩa là lưới giăng trên cung điện của Đế Thích do ngọc cõi trời xâu lại mà thành, dùng một hạt ngọc lớn nhất làm trung tâm, tiếp theo dùng ngọc lớn thứ hai nối liền nhiều vòng xung quanh, như vậy lần lượt chuyển tiếp theo thứ tự xung quanh trải qua trăm ngàn vòng, hoặc là trên dưới bốn mặt-bốn góc, hướng về với nhau đều có hàng lối tương đương. Nay biển hương này, tuy phân bố tương tự ở trên mặt đất, nhưng có nghĩa trải qua hòa vào nhau trùng trùng, cho nên nói là như lưới giăng của Đế Thích.

Mục hai: Từ “Chư Phật tử, thử tối trung...” trở xuống là theo thứ tự riêng biệt hiển bày về chủng loại và quốc độ trong các biển, văn phân làm ba: 1: Phân rõ về một biển ở chính giữa; 2: Phân rõ mười biển xoay quanh về phía phải; 3: Trình bày về biển là nơi thâm nhiếp của mười biển. Nhưng mười biển đều thâm nhiếp số lượng của biển thuộc trần số Phật sát Bất khả thuyết, tổng quát hiển bày thì có mười trần số Phật sát Bất khả thuyết, theo thứ tự mà nói thì chỉ có một trăm mười một biển,

còn lại đều tóm lược chỉ ra.

Mục 1: Phân rõ về một biển ở chính giữa, văn phân làm hai: a: Trình bày về biển hương xuất hiện đóa hoa để duy trì chủng loại-quốc độ; b: Từ “Hữu bất khả thuyết...” trở xuống là trình bày về thế giới đã duy trì.

Trong mục a có ba: Một là tên gọi của biển hương, bởi vì nhiều hoa phát ra ánh sáng, cũng dựa vào hoa thuộc hạnh của Bồ-tát mà làm nhân. Hai là tên gọi của hoa, nghĩa là dùng hương Ma-ni để trang nghiêm cho hoa này, lại từ đáy của Ma-ni mà sinh ra, dựa theo pháp tức là do vạt hạnh viên minh mà thành tựu, biển có thể có hoa cho nên mang lấy tên gọi của hoa, hoa dựa vào biển cho nên chọn lấy tên gọi của đáy biển. Ba là tên gọi của chủng loại, dựa theo Sự thì ánh sáng của vật báu soi chiếu ra xa, dựa theo Pháp thì chủng loại của thế giới ấy chính là chủng tử đã hàm chứa, mỗi một loại đều có nghĩa về ánh sáng của Đại Trí soi chiếu khắp nơi pháp giới, tánh đức trang nghiêm lẫn nhau.

Trong mục b là thế giới đã duy trì, có ba: Một là tổng quát nêu ra số lớn. Hai từ “Kỳ tối hạ phương...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về hai mươi tầng quốc độ rộng lớn. Ba từ “Chư Phật tử...” trở xuống là tương tự kết luận về phần còn lại.

Mục một là tổng quát nêu ra số lớn, văn có thể biết.

Trong mục hai là riêng biệt phân rõ, dựa theo nêu ra và kết luận, đều có Bất khả thuyết sát trần. Trong phần riêng biệt phân rõ, chỉ nêu ra mười chín trần số Phật sát, làm hai mươi lớp, có thể vòng quanh quốc độ ấy, chỉ có hai trăm mười trần số Phật sát, phần sau sẽ kết hợp giải thích. Hai mươi tầng tức là phân làm hai mươi đoạn.

Trong tầng thấp nhất, văn có bảy sự việc: 1: Nêu ra tên gọi. 2: Phân rõ về ranh giới, nghĩa là ranh giới của thế giới đã dựa vào, như ranh giới Kim cang. 3: Nương tựa cư trú, nếu dựa theo tên gọi này thì trên đại thể giống với hoa sen mà chủng loại-quốc độ đã dựa vào, nhưng xưa giải thích rằng: “Ở trên hoa sen đã xuất hiện từ biển hương vô biên trước đây, lại có hoa này.” Duy trì một thế giới này, là dùng ví dụ cho các tầng trên có nơi nương tựa cư trú riêng biệt, để giải thích điều này thì ngại gì tầng thấp nhất dựa vào toàn bộ các hoa, suy nghĩ điều này. 4: Hình dáng như ngọc Ma-ni, bởi vì hình dáng của ngọc Ma-ni có tám cạnh, tựa như vuông mà không vuông, tựa như tròn mà không tròn, cho nên khác với tám góc ở văn sau. 5: Che phủ phía trên. 6: Quyển thuộc. 7: Thế giới chính, danh hiệu của Phật là Ly Nhị Chương Cấu, Trí nhãn

thanh tịnh soi chiếu thế gian như ngọn đèn, nhưng đức vô biên của Phật đều tùy theo một nghĩa.

Tầng thứ hai trở đi, hoặc có tám sự việc, đó là thêm vào cách nơi này xa gần; hoặc là có chín sự việc, đó là thêm vào ngôn từ thuần tịnh. Dựa theo điều này nếu không có lời này thì bao gồm nhiễm-tịnh, quyền thuộc trên đây dần dần thêm vào phần giữa số lượng quốc độ, các sự việc có thể dựa theo biết rõ.

Trong tầng thứ năm nói là tất cả các phương, toàn bộ hướng về tức là phương, mà trong một mặt cũng có nhiều góc-cạnh.

Tầng thứ mười ba là quốc độ chính, tức là thế giới Ta-bà này. Nói hình dáng như hư không, Tĩnh Pháp nói rằng: “Các kinh Đại thừa-Tiểu thừa, đều nói Thể của hư không vốn không có hình chất, không có thể nhìn thấy tướng. Nay nói có hình dáng, thì quay lại vẫn là sai lầm. Bản tiếng Phạn nói: Tam-man-đa (Châu viên), Đê-phước-bà-phước-năng (Thiên cung), Già-già-na (Hư không), A-lăng-ca-la (Trang nghiêm cái phủ), Tăng-tắc-hằng-na (Hình trạng). Quay lại vẫn nên đem Hình trạng đặt vào trước Châu viên, Hư không đặt ở trên Thiên cung, sau đó hợp lại tô điểm nói rằng: Hình dáng ấy tròn trịa, dùng vật dụng trang nghiêm mà che phủ phía trên hư không của Thiên cung.” Tĩnh Pháp đối với điều này đích thực rất có lý, khiến cho bây giờ dựa vào kinh nối thông với nhau cũng thật có lý, nghĩa là hư không tuy không có hình tướng, nhưng tùy theo thế tục mà nói. Bởi vì sách vở thế tục hướng về hư không mà cho là Trời, nghĩa là Trời làm bầu trời tròn vạnh, hình dáng như cái chảo, cho nên nói hình thế của Trời vòng quanh ruộng đồng bằng phẳng bát ngát. Cũng như kinh Pháp Hoa nói Phạm Vương làm cha của chúng sinh, cũng là tùy theo thế tục mà nói vậy thôi.

Tầng thứ mười lăm nói hình dáng như chữ Vạn, Tĩnh Pháp nói: “Thất-ly-mạt-sai vốn không phải là tên gọi, mà chính là tướng của đức, chính xác nói là Cát Tường Hải Vân, các đức sâu rộng như biển, lợi ích cho chúng sinh như mây. Tam tạng từ cổ đến giờ, dịch sai là Lạc Sát, trước kia là Ác Sát La, liền lấy tướng làm tên gọi, vốn là sai lầm mà thôi.” Nay nghĩa nối thông với tướng này, lấy vạn đức đã tích tập thành tựu làm Cát Tường, nhân đó gọi là Vạn, ý ở ngôn ngữ thì tóm lược mà nghĩa thì bao hàm, hợp lại nói là Vạn tướng vậy thôi. Còn lại dễ dàng hiểu rõ.

Mục ba là tương tự kết luận về phần còn lại, trong này không những kết luận về số lượng, mà bao gồm tổng quát hiển bày về nương tựa cư trú... ở văn trước đây. Văn phân làm bốn: 1: Tổng quát kết luận

về tất cả số lượng; 2: Từ “Các các sở y...” trở xuống là kết luận về hình loại; 3: Từ “Thử nhất nhất...” trở xuống là kết luận về quyển thuộc; 4: Từ “Như thị sở thuyết...” trở xuống là làm sáng tỏ về nơi chốn.

Tiết 1 tức là nêu ra chủng loại-quốc độ vốn có để kết luận là có bấy nhiêu. Quốc độ đã kết luận ở đây chắc chắn là quốc độ chính, bởi vì văn sau nêu ra Bất khả thuyết quốc độ Phật này, lại có hai lớp vây quanh. Ở chính giữa thẳng lên phía trên, chỉ có mười chín quốc độ Phật, mà kết luận là có Bất khả thuyết, bởi vì luận về chiều dọc (bàng); nếu không như vậy, thì lẽ nào một chủng loại quốc độ thấp nhất chỉ là một quốc độ chính hay sao? Do đó biết rằng như trước đây đã nói, quốc độ chính thì ngang-dọc đều luận đến, bởi vì có Bất khả thuyết, cho nên văn sau kết luận về nơi chốn, nói là cho đến ở trong sông hương. Suy nghĩ điều này!

Trong tiết 2 là kết luận về hình loại, có ba: Một là nêu ra mười môn, đã nói vây tròn xung quanh, thì biết là không còn chiều dọc. Hai từ “Sở vị...” trở xuống là mở rộng nói về mười môn, hình trạng có mười tám sự việc, so với trong phần nói về hình dạng của chủng loại quốc độ trước đây, thiếu đi hình dạng núi Tu-di và hình dạng vật dụng trang nghiêm, còn lại đều hoàn toàn giống nhau, chỉ ở đây dựa theo quốc độ là khác nhau mà thôi. Ba từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận đưa về tất cả số lượng.

Trong tiết 3 là kết luận về quyển thuộc, nhưng có hai lớp chủ-bạn, mỗi một lớp này, là chỉ về trần số Bất khả thuyết trên đây. Nếu hướng về quốc độ chính ở văn trước đây, thì số lượng vây tròn thẳng lên phía trên dần dần tăng thêm. Nay nói về tướng tổng quát, cho nên nói là mỗi một đều có mười sát trần. Cũng là muốn hiển bày về nghĩa Vô tận, cho nên mỗi một lớp lại có vi trần số đã nói như trên. Nói như trên thì văn hàm chứa hai nghĩa: a- Tổng quát chỉ về số lượng chủ động vây quanh-thụ động vây quanh trước đây, bởi vì vây quanh một thế giới, không cần phải nhiều văn, cho nên nói là như trên. b- Như trên cũng dùng quốc độ của mười Phật để làm chủ động vây quanh, dựa vào đây thì tựa như người dịch sử dụng nhiều văn mà lý ẩn kín. Sao không nói là mỗi một lớp lại có trần số quốc độ của mười Phật? Nếu dựa vào nghĩa trước thì đó là sự khéo léo của người dịch.

Tiết 4 là làm sáng tỏ về nơi chốn, tức là biển hương trong tầng thấp nhất đã nói là cho đến ở nơi sông hương, biết rõ ràng là nói đến chiều dọc.

(Từ đây trở xuống là đi vào quyển thứ 9 trong kinh).

Mục 2: Phân rõ mười biển xoay quanh về phía phải, tức là có mười biển vây quanh biển ở chính giữa, mười biển đều có chủng loại quốc độ tức là mười đoạn:

Đoạn một: Là biển thứ nhất tên gọi Ly Cấu Diệm Tạng, vẫn có hai: Một: Nhắc lại biển chính giữa để xác định phương hướng, tức là thụ động vây quanh từ phương Đông làm đầu; hai: Từ “Thứ hữu...” trở xuống là trình bày về biển chủ động vây quanh, trong đó có hai: 1: Trình bày về chủng loại-quốc độ-hoa và biển; 2: Từ “Thử trung tối hạ phương...” trở xuống là trình bày về chủng loại đã duy trì quốc độ, có hai mươi lớp. Chín biển sau theo lệ như vậy.

Nay trong hai mươi lớp của biển thứ nhất, đều có bảy sự việc: 1- Cách nhau xa gần; 2- Tên gọi của quốc độ; 3- Hình trạng; 4- Nơi nương tựa; 5- Che phủ phía trên; 6- Quyển thuộc; 7- Danh hiệu của Phật. Hoặc có nơi nói về Thế, hoặc nói về thanh tịnh, thì hoặc là tám-hoặc là chín. Lớp thứ nhất không có cách nhau xa gần, chỉ nói là có phương thấp nhất, nhưng vẫn đều có thể biết rõ, có chất vấn thì giải thích. Trong lớp thứ mười bốn nói là hình dạng như bốn Châu, thì có thể cư trú giữa mặt nước nói là Châu. Dựa theo luận Câu Xá thì châu phía Đông như nửa vàng trắng, châu phía Nam như chiếc xe, châu phía Tây như vàng trắng tròn, châu phía Bắc như hình vuông. Hình dạng bốn Châu khác nhau, mà nói là Như thì toàn bộ tựa như thế giới này. Văn trong này không có nêu ra, kết luận về số lớn dựa theo ví dụ có thể biết mà thôi.

Đoạn hai: Từ “Chư Phật tử, thử Ly Cấu Diệm tạng hải nam...” trở xuống là biển thứ hai tên gọi Vô Tận Quang Minh Luân.

Từ đây trở xuống trong chín biển, vẫn đều có hai: Một: Nhắc lại biển trước đây là thụ động nương tựa; hai: Từ “Hữu hương thủy hải...” trở xuống là trình bày về biển chủ động nương tựa, đều không nhắc lại biển chính giữa là thụ động vây quanh, cho nên nói là phía Nam. Biển thứ ba trở đi chỉ nói là xoay quanh về phía phải. Lại không nói là phía Nam, bởi vì mười biển như vòng tròn, vây quanh biển chính giữa cho nên không ở hướng chánh Nam; như dùng mười cái đĩa vây quanh một cái mâm, phương hướng nơi chốn có thể thấy.

Lại biển thứ hai trở đi, hoặc là không có hoa sen: Một: Trong phần tổng quát giải thích về chủng loại nói: Hoặc có chủng loại dựa vào hoa sen mà cư trú, hoặc có chủng loại dựa vào biển mà cư trú, cho nên nói hoặc là không có. Hai: Biển chủ động nương tựa, vẫn cũng có hai: 1: Trình bày về chủng loại-quốc độ-hoa và biển; 2: Từ “Thử trung tối hạ phương...” trở xuống là trình bày về quốc độ đã duy trì. Trong hai mươi

lớp: Một lớp đầu về thế giới thì vẫn có bảy sự việc, một lớp sau thì vẫn có tám sự việc bởi vì thêm vào thuần tịnh, những lớp ở giữa chỉ có ba sự việc, đó là số lượng cách nhau-tên gọi của quốc độ và danh hiệu của Phật. Tám biển còn lại theo thể lệ như vậy. Đã phân rõ về hai biển.

Biển thứ ba tên gọi Kim Cang Bảo Diệm Quang Minh, biển thứ tư tên gọi Đế Thanh Bảo Trang Nghiêm, biển thứ năm tên gọi Kim Cang Luân Trang Nghiêm Đế, biển thứ sáu tên gọi Liên Hoa Nhân Đà La Vĩng, biển thứ bảy tên gọi Tích Tập Bảo Hương Tạng, biển thứ tám tên gọi Bảo Trang Nghiêm, biển thứ chín tên gọi Kim Cang Bảo Tự, biển thứ mười tên gọi Thiên Thành Bảo Diệp, vẫn đều có thể biết. Có mong muốn giải thích về danh hiệu của Phật trong quốc độ, thì đây đủ có thể lưu ý suy nghĩ.

(Từ đây trở xuống là đi vào quyển thứ 10 trong kinh).

Mục 3: Từ quyển thứ 10 trong kinh trình bày về biển là nơi thâm nhiếp của mười biển: Một biển đều thâm nhiếp trần số Phật sát Bất khả thuyết, ngay nơi văn tất cả chỉ nói về mười, tức là thành một trăm biển, cũng có chủng loại-quốc độ và quốc độ đã duy trì. Mười biển tức là mười đoạn, chỉ ghi chép thứ tự tên gọi của mười biển trước đây, văn này rõ ràng dễ hiểu.

Trong mười đoạn, mỗi một đoạn có hai: Trước là nêu ra biển chủ thể thâm nhiếp để xác định phương hướng; sau từ “Thứ hữu...” trở xuống là nêu ra biển thụ động thâm nhiếp.

Ở trong thụ động thâm nhiếp đều có ba tiết: Một: Từ bên cạnh biển chủ động thâm nhiếp, nối tiếp nhau nêu ra chín biển, chỉ riêng đoạn thứ nhất, thiếu một biển trong chín biển. Hai: Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về số lớn của một biển thụ động thâm nhiếp. Ba từ “Kỳ tối cận...” trở xuống là mở rộng nói về một biển gần nhất vây tròn xung quanh.

Trong đó, văn đều có hai: 1: Nêu ra Thể và tên gọi về chủng loại của biển; 2: Từ “Thứ trung tối hạ phương...” trở xuống là quốc độ đã duy trì, cũng đều có hai mươi lớp.

Trong đó vượt lên trên phần giữa, vẫn có bốn tiết: a: Nêu ra tầng dưới thấp; b: Vượt lên trên đến tầng thứ mười, Kim Cang Tràng tức là biển hương ở chính giữa, quốc độ thuộc lớp thứ mười trong chủng loại-quốc độ; c: Lại vượt lên trên đến tầng thứ mười ba, bởi vì thế giới Ta-bà ở chính giữa những tầng này; d: Lại đến tầng thứ hai mươi, bởi vì cao nhất, là chủng loại quốc độ cao nhất. Nếu nói là tầng thứ hai mươi cao nhất, thì vì sao có được tên gọi cao nhất này? Giả sử

không cần phải nhiều văn, thì vì sao không thêm vào cho đến cao nhất? Nhưng vượt lên trên phần giữa là ý vốn giữ lại tóm lược, nói như nhau thì sợ rằng sai lạc thứ tự. Lại bởi vì trên dưới ngang dọc đều tương xứng. Lại ở đây tùy theo biển thụ động thâm nhiếp mà có Bất khả thuyết, đều hướng về biển chủ động thâm nhiếp vốn có, bởi vì phương hướng phân bố như nhau, cho nên văn sau chỉ nói là ở ngoài biển này chứ không nói là xoay quanh về phía phải...

Biển hương thứ năm tên gọi Kim Cang Luân Trang Nghiêm Để, thụ động thâm nhiếp chỉ nêu ra chín biển mà kết luận về văn, và biển vây tròn xung quanh gần nhất, trong kinh có chín hàng. Trong các bản tiếng Phạn đều thiếu giống như ở đây. Dựa theo thể lệ trước sau, ở đây chắc chắn có biển thứ mười thụ động thâm nhiếp, biển vây tròn xung quanh gần nhất. Trong hai mươi lớp quốc độ đã duy trì, văn đầu tiên nói: Trong này phương thấp nhất có biển nước hương (Hương thủy hải) tên gọi Nhân-đà-la Hoa Tạng, thì từ chữ Hương đến chữ Tạng đều dài. Bởi vì trước đã nói về biển nước hương, cho nên trong các biển trước đây không có thể lệ này, tuy dựa vào biển mà không sai, ở trong thì vẫn không tiện. Trong biển thứ nhất thụ động thâm nhiếp trước đây, chín biển thiếu đi một. Nay trường hàng ở đây phần nhiều thì bản tiếng Phạn bỏ sót, người đời sau thêm vào, viết nhầm tương tự Bối điệp (kinh viết trên lá Bối-đa-la) mà thôi, phần còn lại đều có thể biết. Mười biển theo thứ tự, chỉ xem văn chú giải ngay nơi phần trước, không cần phải tiếp tục đưa ra.

Mục ba-Tổng quát tóm lược kết luận giải thích, văn phân làm năm:

1) Tổng quát kết luận về tất cả số lượng, nghĩa là một biển đều thâm nhiếp một Bất khả thuyết, mười biển thì có mười Bất khả thuyết, một biển-một chủng loại, vì vậy số lượng giống nhau.

2) Từ “Giai y...” trở xuống là kết luận về chỗ dựa thuộc chủng loại của biển, nghĩa là hoa sen to lớn chính là gốc của biển chủ động duy trì quốc độ trước đây, tên gọi của hoa ấy là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Nay ở đây lại nói là Hiện Bồ-tát Hình..., là một hoa này tùy theo nghĩa mà khác tên gọi, bởi vì có Dụng này cho nên tên gọi giống với đáy biển (Hải đế) trong tầng thấp nhất trước đây. Bởi vì đáy biển ở phần giữa chính là trong Thể của hoa to lớn này mà nhận được tên gọi tổng quát, cho nên chọn lấy Thể của hoa to lớn, tên gọi thì hoặc là do người dịch sai lầm.

3) Từ “Các các...” trở xuống là kết luận về môn khác nhau của

chủng loại, phần này cùng với chương nói về chủng loại-quốc độ đã giải thích trước đây, và mười tướng trong phẩm Thế Giới Thành Tự đan xen với nhau thì giống nhau trên đại thể.

4) Từ “Thử nhất nhất...” trở xuống là kết luận về quốc độ trong chủng loại. Nói trở thành lưới giăng thế giới, là mỗi một thế giới giống như mắt lưới nối liền nhau theo thứ tự, như dùng lưới giăng giữ lấy ngang dọc liền với nhau, thấy đều tương xứng như lưới giăng châu ngọc của cõi trời.

5) Từ “Ư Hoa tạng...” trở xuống là kết luận đưa về Hoa Tạng chính là nơi kiến lập.

Trên đây là phần trường hàng cùng giải thích về hai chương, xong.

Phần kệ tụng, toàn bộ có một trăm lẻ một kệ, phân hai: Một kệ đầu là trình bày về tự Thể của Hoa Tạng: Câu một nêu ra tên gọi; câu hai nói về phạm vi hạn lượng không hủy hoại, tức là giống như Chân tánh; câu ba nói về đầy đủ các đức trang nghiêm; câu bốn nói về an trú vô ngại. Một trăm kệ còn lại tụng về mạng lưới quốc độ đã duy trì, trong đó có hai: Đầu là chín kệ tụng về chủng loại-quốc độ chủ động duy trì, những kệ còn lại tụng về các quốc độ thụ động duy trì.

Trong chín kệ đầu: Một kệ đầu tụng về đan xen với nhau mà không tạp loạn, một kệ tiếp tụng về phân bố tương xứng theo thứ tự, một kệ tiếp tụng về Thế trang nghiêm của chủng loại-quốc độ, hai kệ tiếp tụng về phân rõ hình dạng, một kệ tiếp tụng về nương tựa cư trú, hai kệ tiếp tụng về phương hướng nơi chốn tiến vào, một kệ cuối tụng về Phật lực gia trì.

Trong chín mươi một kệ còn lại tụng về các quốc độ thụ động duy trì, phần nhiều tụng về văn kết luận, chỉ có một vài điểm không giống nhau, đó là Thể và hình dạng, còn lại đều giống nhau. Tất cả phân ra mười đoạn:

Đoạn một: Có hai mươi tám kệ, trình bày về quốc độ khác nhau bởi vì nhân duyên, tức là trong kết luận nói tất cả đều có chúng sinh đầy khắp mọi nơi, văn sau nói: Bởi vì đủ loại chúng sinh cư trú, và tất cả đều do Phật lực đã gia trì, đến văn sau sẽ thấy.

Đoạn hai: Có hai kệ, hiển bày về vi tế của quốc độ, tức là trong kết luận nói tất cả đều hướng đến hòa vào khắp nơi.

Đoạn ba: Có mười kệ, trình bày về Thể tánh của thế giới, văn kết luận thì không có, nghĩa xem ở phần kinh trước.

Đoạn bốn: Có năm kệ, trình bày về tất cả vật dụng trang nghiêm

của thế giới.

Đoạn năm: Có năm kệ, trình bày về tất cả đều trang nghiêm đến tận cùng không hề có gián đoạn. Hai đoạn này như kết luận về tên gọi.

Đoạn sáu: Có mười kệ, trình bày về hình trạng của thế giới, nghĩa xem ở văn trên.

Đoạn bảy: Có hai kệ, trình bày về tất cả các kiếp sai biệt.

Đoạn tám: Có tám kệ, trình bày về tất cả đều có Phật xuất hiện. Hai đoạn này cũng như kết luận về tên gọi.

Đoạn chín: Có mười kệ, tụng về có và không có ánh sáng, tức là tất cả đều có ánh sáng từ vật báu phát ra, và tất cả đều do vắng mây ánh sáng che phủ.

Đoạn mười: Có mười một kệ, trình bày về âm thanh thiện ác, tức là tất cả đều thuyết giảng về vô lượng giáo pháp.

Nay nói về đoạn một, phân làm hai: Nửa kệ đầu là nêu ra chương, đủ loại cách thức cho nên nói là khó nghĩ bàn. Hai mươi bảy kệ rưỡi còn lại là mở rộng giải thích về tướng khó nghĩ bàn, trong đó phân hai: Chín kệ rưỡi trước là Dụ để hiển bày, mười tám kệ sau là Pháp giải thích.

Trong chín kệ rưỡi trước là Dụ để hiển bày, phân ba: 1- Có ba kệ rưỡi trình bày quốc độ có Thành-Hoại do nhân cấu nhiễm: Một kệ rưỡi đầu là trình bày về chủng loại, bởi vì quốc độ có Thành-Hoại trải qua thời gian dài; một kệ tiếp là nói về chủng loại-quốc độ tuy một, mà quốc độ cư trú có khác nhau; một kệ sau là kết luận đưa về chủng loại của nghiệp. 2- Có ba kệ trình bày do nhân thanh tịnh: Một là nói về nhân của tâm thanh tịnh; hai là nói về nguyện của Phật bao gồm nhân duyên; ba là trình bày về nhân của nghiệp thanh tịnh. 3- Có ba kệ tổng quát kết luận về nhân của cấu nhiễm-thanh tịnh: Một là nhân cấu nhiễm-thanh tịnh tùy theo tâm; hai là nhân khởi nghiệp do phân biệt, tức là dùng Chánh báo dụ cho Y báo, cũng là dùng Nhân dụ cho Duyên, tâm tức là nhân dẫn đến quả dị thực, quả có thô-diệu bởi vì duyên của nghiệp; ba là một kệ cùng trình bày về nghiệp và tâm, hành tức là nghiệp, cũng dụ cho chúng sinh cùng nơi chốn mà thấy khác nhau.

Trong mười tám kệ sau là Pháp giải thích, phân ba: 1- Sáu kệ trình bày về nhiễm-tịnh; 2- Bốn kệ trình bày về thành-hoại; 3- Tám kệ trình bày về khổ-vui.

Trong sáu kệ đầu phân hai: Hai kệ trước là hiển bày về tướng tịnh không giống nhau; bốn kệ sau hướng về nhân để phân rõ, trong đó: Đầu là một kệ, chỉ riêng nhiễm bởi vì phiền não; tiếp là hai kệ bao gồm tâm

nhiễm-tịnh, bởi vì nghiệp gồm chung thiện-ác, cho nên thuộc về Bồ-tát và chúng sinh; sau là một kệ, chỉ riêng tịnh bởi vì thuộc về Phật.

Trong bốn kệ tiếp là hiển bày về thành-hoại: Đầu là một kệ nói về thô thì hủy hoại-tế thì tồn tại, hủy hoại bởi vì nghiệp ác, tồn tại nhờ vào hai nhân, một là dựa theo Phật, hai là nghiệp thiện. Vì vậy kinh Pháp Hoa nói: “Tịnh độ của Như Lai không hủy hoại, trời-người luôn luôn đông đủ khắp nơi, nhưng diệt đi tuy không cùng với nhau, mà khởi lên nhất định cùng nơi chốn.” Tuy nói là cùng nơi chốn, mà tướng luôn luôn không có, cho nên khó nghĩ bàn. Tiếp là một kệ nói về nghiệp tồn tại thì nơi chốn thành lập. Tiếp là một kệ nói về tướng thế gian không giống nhau, tánh không có sinh diệt. Sau là một kệ kết luận đưa về nhân duyên, bên trong do tâm biến đổi thì nhiễm-tịnh sai biệt rất nhiều, bên ngoài nhờ vào duyên của Phật thì ở đâu mà không thanh tịnh.

Trong tám kệ sau trình bày về khổ-vui, phân ba: Đầu là ba kệ nói tổng quát về tướng, dựa theo quốc độ để nói về khổ-vui. Tiếp là ba kệ dựa theo trong một quốc độ có ba nẻo ác. Sau là hai kệ trình bày về niềm vui của trời-người.

Đoạn hai từ “Nhất nhất mao...” trở xuống là hai kệ hiển bày về vi tế của quốc độ: Kệ đầu nêu ra quả, kệ sau hưởng về nhân để phân rõ.

Đoạn ba, trong mười kệ trình bày về Thế tánh, cũng gồm đủ những nghĩa còn lại, tùy theo giải thích có thể biết.

Đoạn bốn có năm kệ trình bày về trang nghiêm.

Đoạn năm có năm kệ, trình bày về trang nghiêm đến tận cùng, bởi vì trong đó thâm nhiếp trang nghiêm ba đời, không hề có gián đoạn là kết luận đưa về Phật, cho nên trong một mảy trần nhìn thấy tất cả.

Đoạn sáu từ “Hoặc hữu chúng đa sát...” trở xuống có mười kệ, trình bày về hình dạng sai biệt của quốc độ.

Đoạn bảy có hai kệ, trình bày về thời gian tồn tại của quốc độ.

Đoạn tám có tám kệ, trình bày về Phật xuất hiện ít-nhiều, văn đều có thể biết.

Đoạn chín có mười kệ, nói về ánh sáng có và không có, một kệ đầu là không có, chín kệ sau là có.

Đoạn mười có mười một kệ, nói về âm thanh thiện-ác trong quốc độ: Hai kệ đầu nói về đường ác thì chỉ có ác; ba kệ tiếp nói về trời-người bao gồm thiện-ác; sáu kệ sau nói về Phật Bồ-tát chỉ có thiện mà không có ác, chính là hiển bày tất cả đều thuyết giảng về vô lượng giáo pháp.

Phẩm thứ sáu: TỶ LÔ GIÁ NA

(Từ đây trở xuống là đi vào quyển thứ 11 trong kinh)

A- Ý ĐƯA RA: Trước đây trình bày về quả của nhân này, nay phân rõ về nhân của quả trước đây, giải đáp câu hỏi về nhân trước đây, cho nên tiếp theo đưa ra. Nhân là nhân của quả, cho nên nêu ra tên gọi của quả. Lại không theo người để chọn lấy pháp, thì biết nhân là của người nào? Phần đầu của phẩm trước nói: Do Đức Tỳ-lô Giá-na trải qua vô số kiếp tu nhân mà trang nghiêm thanh tịnh, nay sự việc ấy mới hiển bày.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Tóm lược nói là Quang Minh Biến Chiếu, mở rộng thì giải thích như trước.

C- TÔNG THỨ: Trình bày về nhân rộng lớn là Tông, chứng minh thành tựu về quả trước đây là Thứ.

D- GIẢI THÍCH VĂN: Một phẩm phân ba: Một: Tổng quát trình bày về thời gian của Bốn sự; hai-Từ “Hữu thế giới...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nơi chốn của Bốn sự; ba-Từ “Bỉ Thắng Âm thế giới tối sơ kiếp trung...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Bốn sự trong thời gian.

Phần một: Tổng quát trình bày về thời gian của Bốn sự: Tức là kiếp như số vi trần trong hai quốc độ Phật.

Phần hai: Trong phần phân rõ về nơi chốn, cũng có ba: 1- Tổng quát trình bày về vô lượng quốc độ (Sát hải); 2- Từ “Thử thế giới hải...” trở xuống là riêng biệt trình bày về một quốc độ, lược bớt không có chủng loại-quốc độ. Quốc độ tên gọi Thắng Âm, là nhiều Đức Phật xuất thế mà thuyết ra pháp âm. Tiếp là làm sáng tỏ về tướng ấy. Sau là nói về tên gọi của kiếp, có thể biết. 3- Từ “Chư Phật tử bỉ Thắng Âm...” trở xuống là đích thực chỉ về một phương. Như trong thế giới Ta-bà này, riêng biệt nói về một Thế giới hệ, trong đó cũng có ba: a- Tổng quát trình bày về nơi chốn cảm ứng; b- Từ “Chư Phật tử thử lâm đông...” trở xuống, là riêng biệt hiển bày về người có thể cảm được mà cư trú; c- Từ “Chư Phật tử bỉ đại lâm trung...” trở xuống, là riêng biệt hiển bày về sự trang nghiêm nơi đạo tràng.

Trong phần a có ba: Một: Trình bày về biển hương, không phải biển duy trì chủng loại, tức là như biển của bốn châu này mà thôi. Hai: Từ “Kỳ hải...” trở xuống là biển xuất hiện núi hoa. Ba: Từ “Ưu kỳ sơn...” trở xuống là trình bày về rừng ở trên đỉnh núi, trước là nêu ra, sau là hiển bày về trang nghiêm. Nói về khu rừng này, là Phật xuất hiện trong

đó. Nói về người ở trong thành, là tổng quát nêu ra chúng sinh đã giáo hóa.

Trong phần b là riêng biệt hiển bày về người có thể cảm được mà cư trú, cũng có ba: Một: Nêu ra hai khu thành về chủ-bạn; Hai: Giải thích về khu thành Chủ; Ba: Giải thích về khu thành Bạn.

Một: Tuy có khu thành của chư Thiên, mà bởi vì Phật xuất hiện cho nên khu thành của loài người là Chủ.

Hai: Từ “Thanh tịnh...” trở xuống là mở rộng giải thích về khu thành Chủ, trong đó: Trước là hiển bày về nơi chốn trang nghiêm, canh giữ phòng ngự trên tường thành nói là Lô (Cái mộc lớn), ụ đất đắp cao tách rời vây quanh tường thành nói là Khước Địch (Đẩy lùi kẻ địch), Ưu-bát-la... tức là hoa sen có bốn màu xanh-đỏ-vàng-trắng; sau từ “Thử đại thành...” trở xuống là làm sáng tỏ về con người thù thắng ấy.

Ba: Từ “Kỳ thành thứ nam...” trở xuống là sơ lược giải thích về khu thành Bạn, trong đó: Trước là phân rõ về tên gọi khu thành-chủng loại cư trú; sau từ “Thử nhất nhất...” trở xuống là hiển bày về sự trang nghiêm vòng quanh khu thành, thế giới không giống nhau cho nên an lập có phần nào khác nhau, không có thể ví dụ nơi này.

Trong phần c là trình bày về đạo tràng: Một: Phân rõ về đạo tràng trang nghiêm; hai: Từ “Kỳ đạo tràng tiên...” trở xuống là trình bày về hoa sen giữa biển hương, bởi vì Phật xuất hiện.

Phần ba-Trong toàn văn là riêng biệt hiển bày về Bốn sự trong thời gian, văn phân làm hai: Trước là tổng quát nêu rõ về nhiều vị Phật trong kiếp; sau từ “Kỳ đệ nhất...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về từng vị Phật một, chính thức làm sáng tỏ về Bốn sự. Kinh đưa ra không hết, cho nên không có phần tổng quát kết luận.

Nay phần trước muốn đem giải thích riêng biệt, đầu tiên là nêu ra tổng quát. Nói kiếp lúc đầu, tức là kiếp Chủng Chủng Trang Nghiêm. Đã nói là lúc đầu, thì sau này lại có Đại kiếp, đối với lý không có gì trái ngược.

Trong phần sau là chính thức hiển bày về Bốn sự, trải qua phụng sự bốn vị Phật, tức là bốn phần riêng biệt: Thứ nhất là gặp được Phật Nhất Thiết Công Đức Sơn Tu Di Thắng Vân; thứ hai là Phật Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm; thứ ba là Phật Tối Thắng Công Đức Hải; thứ tư là Phật Danh Xưng Phổ Văn Liên Hoa Nhân Tràng. Bốn phần đều có chữ “Chư Phật tử!”

Ngay trong vị Phật thứ nhất, văn phân làm sáu: Một: Tổng quát nêu lên danh hiệu của Phật; Hai: Trước hết hiện bày điềm lành làm

chín muôi căn cơ; Ba: Chính thức hiển bày về Phật xuất thế; Bốn: Hào quang báo hiệu mời gọi; Năm: Đương cơ vận tập; Sáu: Mở rộng thuyết giảng về pháp môn.

Một: Tổng quát nêu lên danh hiệu của Phật: Nhất Thiết Công Đức Sơn, là phước đức cao lớn không thể nào ngửa mặt nhìn lên; lại nói Tu Di, là Định-Tuệ cao vời tuyệt diệu khó làm cho lay động; nói Thắng Vân, là Từ che phủ-Trí tưới nhuần rộng lớn vô biên.

Hai: Từ “Chư Phật tử...” trở xuống là trước hết hiện bày điềm lành làm chín muôi căn cơ, phân hai: 1- Hiện bày điềm lành làm chín muôi căn cơ; 2- Từ “Kỳ thế giới trung...” trở xuống là nhìn thấy điềm lành mà căn cơ chín muôi.

Trong phần 1 có ba: a- Nêu ra thời gian hiện bày, đó là một trăm năm trước. b- Từ “Thử Ma-ni...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng của điềm lành, tướng ấy có mười loại, trong đó: Nói về những công hạnh của đời trước, là nêu ra chủng tử bởi vì sắp thành thực; nói về danh hiệu Phật, bởi vì khiến cho nhớ lại; nói về Đại hạnh nguyện, bởi vì khiến cho phát tâm tu tập; nói về chuyển pháp luân, bởi vì khiến cho đang lắng nghe tu tập phát sinh Pháp nhãn. c- Từ “Hiện như thị...” trở xuống là kết luận về ý nghĩa của điềm lành.

Phần 2 là nhìn thấy điềm lành mà căn cơ chín muôi, có thể biết.

Ba-Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là chính thức hiển bày về Phật xuất thế, trong đó phân hai: 1- Nơi chốn thành đạo; 2- Từ “Như ư...” trở xuống là kết luận nối thông rộng khắp.

Trong phần 1: a- Tổng quát; b- Từ “Kỳ thân...” trở xuống là riêng biệt. Riêng biệt hiển bày về đức thù thắng, sơ lược có mười tướng: Một: Nêu ra tướng về Thân, tất cả các pháp đều có mặt, vốn tự nhiên rộng khắp mọi nơi, bởi vì Trí và Lý sâu xa, giống như cảnh giới chân thật ấy, có thể khiến cho sắc tướng tùy theo cảnh giới ấy, pháp giới dung thông thì vi trần-mảy lông trùng trùng đầy đủ tất cả. Hai: Tướng về Bi, không rời bỏ nhân hạnh, không có gì không phát sinh. Ba: Tướng về Thành, lý-hạnh-thời-xứ là tất cả đạo tràng, thân-trí cùng đạo qua gọi là đi đến khắp nơi. Bốn: Tướng về Sắc, trạm nhiên thường trú gọi là Diệu sắc, mỗi một sắc đều vô biên cho nên nói là đầy đủ, hoàn toàn không có hệ lụy về hình chất thì nói là thanh tịnh. Năm: Tướng về Thù thắng, sắc thái dung mạo che mờ Đại chúng, uy đức thâm nhiếp tất cả các ma, Lực-Vô úy tròn vẹn, đâu có thể chiếu rọi làm mất đi. Sáu: Tướng về Tôn quý, vô biên tướng tốt tròn vẹn sáng ngời đáng quý, vượt qua Thánh Đế cho nên nói là phân biệt rõ ràng. Bảy: Tướng về Ứng hiện, không

hướng về mà hiện bày khắp nơi, giống như hình ảnh trong gương sáng. Tám: Tượng về Vô ngại, có cảm thì nhìn thấy, không ngăn cách bởi núi sông. Chín: Tượng về Giáo hóa, giáo hóa thuận theo dòng chảy chân thật, nguồn gốc không có gì khác nhau. Mười: Tượng về Cát tường, ánh sáng của thân-trí soi chiếu khắp nơi xứng với thế gian.

Mười tượng trên đây, trên đại thể giống với phần đầu của kinh.

Trong phần 2 là kết luận nổi thông, tạm thời kết luận về một thế giới cùng loại, còn lại đều lược qua.

Bốn: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là hào quang báo hiệu mời gọi, văn phân làm năm: 1- Nơi phát ra ánh sáng, vốn hiển bày về Trung đạo. 2- Tên gọi về ánh sáng của Pháp chủ, vốn phát động chủng tử xưa kia để sinh khởi thiện căn mới. Thiện căn có ba: a- Sinh ra phước và nghiệp Bất động, dùng ba loại Thí-Nhẫn-Trí để làm thiện căn; b- Chán ngăn khổ đau cầu mong giải thoát, dùng Tín... làm căn; c- Cầu mong Tuệ vô thượng, dùng năm pháp là bốn tâm vô lượng (Tứ đẳng) và không phóng dật làm căn. Tất cả nói là thiện căn, bởi vì phát tâm là tánh dựa vào Thánh giáo, vốn là nói theo âm. 3- Số lượng quyển thuộc vốn là pháp vô tận. 4- Phạm vi giới hạn soi chiếu, vốn rộng khắp mười phương nổi thông với giáo pháp ở phương này. 5- Từ “Nhược hữu...” trở xuống là trình bày về lợi ích thù thắng của ánh sáng, văn có mười câu: Một: Vô minh nặng nề thì Trí tự giác làm thông suốt. Hai: Phiền não sâu xa thì ngừng lại mê hoặc hiện hành. Ba: Chịu khó tu tập khó thoát ra thì xé toạc mạng lưới của năm Cái. Bốn: Ba chướng sâu nặng thì phá sập các núi chướng ngại. Năm: Chưa giải thoát thì làm thanh tịnh chủng tử cấu nhiễm trong tâm. Sáu: Chưa tin Đại thừa thì phát khởi tiến vào Trú. Bảy: Thiếu hụt tư lương thì sinh khởi thiện pháp thù thắng ấy. Tám: Chưa tiến vào Địa thì trừ bỏ năm loại sợ hãi. Chín: Sắc chất tích lũy công dụng thì diệt nổi khổ của thân-tâm. Mười: Đắm trong Vô sinh thì được thấy Phật hướng về quả.

Đây là dựa theo đối trị sai biệt để giải thích. Nếu dựa theo chiều ngang để phối hợp, thì sinh khởi thiện pháp thấy rõ lý, có thể dựa theo suy nghĩ.

Năm: Đương cơ vân tập, trong văn có hai: 1- Tổng quát hiển bày về các vị vua vân tập, tỏ lòng cung kính. 2- Từ “Chư Phật tử...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về nghi thức vân tập của các vị vua, trong đó phân hai: a- Mở rộng trình bày về Hỷ Kiến; b- Sơ lược nêu ra các vị vua.

Trong phần a, tức là chính thức đưa ra duyên của Bốn sự, văn

phân làm sáu: Một: Nêu ra tên gọi phân rõ về vị thống lĩnh; Hai: Tổng quát phân rõ về quyền thuộc; Ba: Uy Quang đạt được lợi ích; Bốn: Kệ ca ngợi Như Lai; Năm: Phụ vương nói ra cho biết; Sáu: Cùng nhau đi đến nơi Phật.

Một: Nêu ra tên gọi phân rõ về vị thống lĩnh, vẫn có thể biết.

Hai: Từ “Phu nhân...” trở xuống là tổng quát hiển bày về quyền thuộc: Có đức hạnh nói là Phu nhân, có sắc diện gọi là Thể nữ. Vương tử thì trong bản khác nói là hai vạn năm ngàn người, khác với bản tiếng Phạn. Dựa vào kinh Anh Lạc Bốn Nghiệp-quyển Thượng nói: “Ở phần vị Thập Trụ, địa vị Đồng Luân bảo anh lạc, có một trăm người con phước đức làm quyền thuộc, sinh vào một cõi Phật, tiếp nhận pháp học và công hạnh của Phật, giáo hóa hai thế giới (Thiên hạ); Ngân Luân bảo anh lạc có năm trăm người con, Kim Luân bảo anh lạc có một ngàn người con. Ở phần vị Sơ Địa là Tứ Thiên Vương có một vạn người con, Nhị Địa là Thiên Vương cõi Đạo Lợi có hai vạn người con, Tam Địa trở lên cho đến Thiên Vương cõi Tịnh Cư, chỉ nói là quyền thuộc cũng như vậy.” Vì vậy biết rằng không có quá hai vạn người con. Nếu vị Vương của ba cõi thì chính là Đẳng Giác, lại lấy tất cả Bồ-tát làm quyền thuộc. Dựa vào Hỷ Kiến đã thống lĩnh thì chỉ lấy khu thành mà nói. Lại từ lúc gặp được Phật xuất thế cho đến vị Phật thứ ba, mới nói là đời trước, năm trăm người con của Ngân luân ở đây là đúng. Hoặc dựa theo Giáo khác thì lý cũng có thể thông suốt. Vị Thượng thủ nói là Đại Uy Quang, bởi vì ánh sáng của Thánh đạo vốn là Đại uy đức.

Ba: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là Uy Quang đạt được lợi ích, vẫn phân làm hai: Trước là đưa ra nhân để tổng quát nêu lên; sau từ “Hà vi...” trở xuống là nêu ra lợi ích để trình bày về Thể, đều từ Dụng thù thắng mà nêu ra tên gọi: 1- Đức của Phật viên mãn phá tan chướng ngại gọi là Luân, trong Định có thể nhận biết cho nên có được tên gọi này. 2- Pháp tổng trì này có thể duy trì tất cả các pháp của chư Phật. 3- Ngay nơi Không mà trải qua Hữu gọi là phương tiện, đây là Quyền-Thật cùng thực hành, là Bất cộng Bất-nhã phù hợp với Thể-Dụng rộng lớn. 4- Dùng phước-trí trang nghiêm để điều phục là Từ chân thật. 5- Vằng mây pháp cuộn lên phát ra âm thanh làm chấn động, có thể trừ bỏ gốc của khổ đau. 6- Pháp hỷ xứng với lý vốn là đức vô biên, tâm mình-tâm người cùng vui mừng là thù thắng nhất. 7- Nhận biết lìa xa gọi là pháp, pháp cũng cần phải rời bỏ, là rời bỏ đúng như thật. 8- Phương tiện khéo léo khởi Dụng, bình đẳng không suy nghĩ gì, tất cả từ đây mà sinh ra, cho nên gọi là Tạng. 9- Gánh vác tất cả chúng sinh giới mà không mệt

mỗi, vì Đại nguyện cần phải làm cho tin hiểu. 10- Tất cả biện tài đều hòa vào trí Phật, mình-người cùng soi chiếu là nói đến ánh sáng.

Mười pháp trên đây, ba loại đầu là pháp thuộc về công đức, bốn loại tiếp theo là pháp thuộc về huân tu, ba loại sau là pháp thuộc về phát khởi giáo hóa. Phần nhiều nói là Đại, bởi vì cảnh giới vô biên xứng với tánh rộng lớn, Trí phù hợp thông hiểu xuyên suốt đều có được tên gọi về Chứng.

Bốn: Kệ ca ngợi Như Lai, văn phân làm hai: Trước là nguyên do nói kệ; sau là chính thức nói về kệ tụng. Mười kệ phân ba: Đầu là hai kệ nêu ra Phật xuất hiện đã diệt trừ tối tăm, khó gặp được cho nên không thể lỡ mất thời cơ; tiếp là năm kệ khiến cho quán sát về đức của Phật, có Đức-có Từ, thật sự có thể trở về; sau là ba kệ dẫn ra ví dụ khuyến khích trở về, không có xa xôi nào mà không trở về, hẳn nhiên nên đi đến để được gặp.

Năm: Phụ vương nói ra cho biết, văn phân làm hai: 1: Nguyên cơ nói ra cho biết, bởi vì nghe được ca ngợi, căn đạo của Thái tử sâu xa tự mình nhận được lợi ích từ Phật, cơ duyên của vua cha hãy còn nông cạn chuyển sang nhờ người khác mà được nghe. 2: Chính thức dùng kệ để nói cho biết, có mười một kệ phân làm ba: Đầu có ba kệ triệu tập mọi người khuyến khích quán sát; tiếp có bảy kệ truyền lệnh thiết lễ cúng dường; sau có một kệ khuyến khích đem đến cúng dường Phật.

Sáu: Cùng nhau đi đến nơi Phật: Đầu là dẫn dắt tùy tùng mang lễ vật đến cúng dường; sau là đến nơi rồi thiết lễ cung kính.

Phần b: Từ “Phục hữu diệu hoa...” trở xuống là sơ lược nêu ra các vị vua, văn có thể biết.

Sáu: Từ “Thời bỉ Như Lai...” trở xuống là mở rộng thuyết giảng về pháp môn, văn phân làm năm: 1- Phật chuyển pháp luân; 2- Uy Quang đạt được lợi ích; 3- Dùng kệ ca ngợi để nói rõ; 4- Truyền bá giáo hóa chúng sinh; 5- Phật gia hộ khen ngợi khuyến khích.

Phần 1: Phật chuyển pháp luân: Giáo pháp quan trọng nhất của Phật là Dụng giải thoát, nói ra rõ ràng cho vô số quyền thuộc, tùy theo căn cơ đạt được lợi ích khác nhau.

Phần 2: Từ “Thị thời Đại Uy...” trở xuống là trong phần Uy Quang đạt được lợi ích: Đầu là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong phần tổng quát, trước đây nói pháp của chư Phật ba đời, tức là xưa kia Phật đã tích tập, đã thấy Phật đạt được lợi ích, chuyển sang nhận được tên gọi của Bồ-tát.

Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt, Trí tức là Thể, ánh sáng là

nói về Dụng, cảnh đã soi chiếu khác nhau cho nên phân ra mười một loại:

Một: Trí minh thuộc về Định sâu xa, tất cả pháp tụ, tóm lược có ba nghĩa: a- Ba loại như Chánh định...; b- Ba loại như thiện-ác...; c- Tổng quát thu nhận tất cả, không ra ngoài hai loại pháp tụ là hữu vi-vô vi. Hai phần vị thu nhận lẫn nhau, tánh của một vị hiện rõ, cho nên nói là bình đẳng. Chứng được điều này trong Định gọi là Tam-muội của Định ấy.

Hai: Trí minh thuộc về Đại tâm, nghĩa là những nhân quả về sau đều hòa vào tâm ban đầu, tóm lược có ba nghĩa: a- Nhân sau vốn đạt được từ lúc đầu, cho nên nói là tất cả đều hòa vào, như đến cuối lộ trình dài quyết định bởi bước đầu tiên, tài sản của người học ở trong đó; b- Tâm hướng về Bồ-đề là Chánh niệm về Chân Như, trong môn Chân Như thâm nhiếp tất cả các pháp; c-Ba đức bắt đầu phát khởi viên dung trước sau, bởi vì lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác.

Ba: Trí minh thuộc về Đại trí, pháp giới là Thể Đại đã soi chiếu, ánh sáng rộng khắp tức là Tướng Đại, vốn là nghĩa về ánh sáng trí tuệ soi chiếu khắp nơi pháp giới. Tích chứa hằng sa tánh đức cho nên gọi là Tạng. Phiền não hư vọng vốn trống rỗng, cho nên nói là thanh tịnh. Nhìn thấy rõ ràng gọi là mắt thấy tánh, thì Nhục nhãn đã giống như Phật nhãn.

Bốn: Trí minh thuộc về Đại nguyện, nhận biết pháp của chư Phật vốn là Nguyện làm căn bản.

Năm: Trí minh thuộc về Đại hạnh, do hạnh này mà tiến vào quả đức vô biên.

Sáu: Trí minh thuộc về mau chóng, nghĩa là công dụng hướng đến tiến vào Vô sinh không lui sụt, Đại lực không có công dụng, một hạnh bao hàm nhiều hạnh, mà nhận lấy tên gọi này.

Bảy: Trí minh thuộc về Thần thông, không có thể làm việc mà rời khỏi ba Luân.

Tám: Trí minh thuộc về Đại phước, bởi vì soi chiếu phước đức trang nghiêm.

Chín: Trí minh thuộc về Đại giải, nghĩa là lực Thắng giải của Phật thành tựu vô lượng trang nghiêm.

Mười: Trí minh thuộc về Dụng của Phật, rộng khắp tất cả pháp giới.

Mười một: Trí minh thuộc về Đức của Phật, hàng phục ma quân-chế ngự ngoại đạo.

Ba loại sau là cảnh giới của Phật, cho nên chỉ nhận biết rõ ràng;

còn lại có thể chứng biết, cho nên nói là có thể tiến vào.

Phần 3: Dùng kệ ca ngợi để nói rõ, văn phân làm hai: Trước là nhân, sau là kệ. Trong kệ phân ba: Đầu là một kệ nêu ra lợi ích của Thể-Dụng; tiếp là tám kệ hiển bày về do Dụng mà thấy, trong đó bảy kệ trước là thấy nhân, một kệ sau là thấy quả; sau là một kệ phát nguyện suy nghĩ như nhau, tức là Đại nguyện tu pháp đối trị nói ở phần đầu của phẩm trước.

Phần 4: Truyền bá giáo hóa chúng sinh, văn phân làm ba: a-Trình bày về Tự ngộ; b- Từ “Vị nhất thiết...” trở xuống là trình bày về chuyển sang giác ngộ cho người khác, biểu hiện rõ ràng về mười pháp, cùng với mười một pháp tự mình đạt được trước đây, có giống nhau-có khác nhau, văn đều có thể biết; c- Từ “Kim như Tu-di sơn...” trở xuống là lợi ích của hạnh Lợi tha.

Phần 5: Phật gia hộ khen ngợi khuyến khích, trong văn có mười một kệ: Đầu là ba kệ khen ngợi về phát tâm đạt được pháp, Đại quả sẽ thành tựu; tiếp là bốn kệ đối với yếu kém để hiển bày về thắng tiến là đức tròn vẹn; tiếp là hai kệ nói về sự gia hộ bên ngoài, trí bên trong quyết định chứng đắc không nghi ngờ gì; sau cuối là hai kệ nêu ra một hạnh để ví dụ những hạnh còn lại, thực hành thì đạt được.

Gặp được vị Phật thứ hai, văn phân làm hai: Một: Kết thúc phần trước phát sinh phần sau; Hai: Chính thức hiển bày về Phật xuất thế.

Một: Kết phần trước trước phát sinh phần sau, nghĩa là sắp nói đến vị Phật sau, cho nên tổng quát luận về kiếp thọ để trình bày về kiếp nhiều ít, bởi vì muốn hiển bày về nhiều vị Phật xuất hiện. Nói về thọ mạng con người-thọ mạng của Phật, bởi vì thọ mạng của Phật thì ngắn mà thọ mạng của con người thì dài, cho nên trong một đời mà Uy Quang được trải qua phụng sự ba vị Phật.

Hai: Từ “Bỉ Phật diệt...” trở xuống là chính thức hiển bày về Phật xuất thế, văn phân làm năm: 1- Trình bày về Phật trước diệt độ thì Phật sau xuất hiện; 2- Nhìn thấy tướng đạt được lợi ích; 3- Ca ngợi về đức mà khuyến khích đi đến; 4- Quyển thuộc cùng nhau hưởng về; 5- Nghe kinh tỏ ngộ mà tiến vào.

Phần 1: Trình bày về Phật trước diệt độ thì Phật sau xuất hiện: Trong này, danh hiệu của Phật, nghĩa là Trí dẫn dắt vạn hạnh đều đến bờ giải thoát, thấy tánh rõ ràng cho nên gọi là Thiện Nhân, quả do nhân tô điểm thì nói là Trang Nghiêm.

Phần 2: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là Uy Quang nhìn thấy tướng đạt được lợi ích, trong này có hai: a- Nhìn thấy tướng chính là nguyên

do đạt được lợi ích; b- Từ “Tức đắc...” trở xuống là đích thực đạt được lợi ích: Trước là nêu ra, sau là kết luận.

Phần trước là nêu ra có mười loại:

Một: Niệm Phật Tam-muội là cha của Bồ-tát, cho nên đầu tiên trình bày về điều này, cho đến Thập Địa cũng không lìa xa niệm Phật. Vô biên hải tạng môn, tích chứa gọi là Tạng, sâu rộng gọi là Hải. Nhưng tóm lược có ba nghĩa: 1: Bởi vì trong Định này thấy nhiều vị Phật, văn sau nói: Dùng Phật để làm cảnh giới, chuyên niệm mà không rời bỏ, người này có thể thấy Phật, lượng ấy và tâm bằng nhau. Do niệm mà có thể thấy, cho nên gọi là Môn. 2: Mỗi một đức của Phật là Vô biên hải tạng. Do niệm mà có thể biết, cho nên gọi là Môn. Thế nào là Vô biên hải? Do vô số kiếp tu tập mà có Hạnh nguyện hải, thành tựu Sắc thân có Tướng hảo hải, thành tựu Trí thân có Biện tài hải, kiến lập Niệm xứ có Danh hiệu hải, tu các Trợ đạo có Công đức hải, an lập chúng sinh có Tịnh sát hải. Như vậy các Hải, mỗi một Hải đều vô biên, tất cả đều sinh ra và tích chứa, gọi là Tạng. 3: Vô biên đức thù thắng do niệm Phật mà sinh ra, một môn này tích chứa sâu rộng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì niệm đến thân Pháp tánh thì hợp với lý của Như, niệm đến thân Công đức thì thành tựu vô biên đức, niệm đến thân Tướng hảo thì chứng được vô biên tướng. Tất cả chướng ngại đều diệt trừ, tất cả công đức đều phát sinh. Nói tóm lại toàn bộ đều nhờ vào niệm Phật, từ đây tỏ ngộ thông suốt cho nên gọi là Môn, ngay nơi một Môn này mà nói không thể tận cùng.

Hai: Đại Trí tổng trì có thể thông hiểu về pháp sâu xa.

Ba: Không có duyên mà ứng hiện khắp nơi.

Bốn: Bình đẳng diệt trừ tất cả phiền não nóng bức.

Năm: Biến đức sâu thẳm của Phật tích chứa Lực Dụng, Bồ-tát duyên vào đây mà thân tâm đều hoan hỷ.

Sáu: Bi là tâm lo buồn, Hỷ thì tâm trôi nổi, khế hợp sâu xa với pháp tánh thì rộng lớn giống như hư không, Bi-Hỷ đều không còn là thanh tịnh bình đẳng.

Bảy: Bát-nhã là hiểu rõ về Thật tánh của pháp lìa xa phân biệt. Có pháp có thể lìa xa thì không phải chân thật lìa xa. Biết rõ tự tánh lìa xa không trở lại lìa xa, lìa xa mà không có gì lìa xa tức là Chân pháp giới. Chân pháp giới thì xưa nay thanh tịnh, pháp giới thanh tịnh tức là Bát-nhã thanh tịnh, Bát-nhã thanh tịnh là thanh tịnh vốn có của vạn pháp. Vạn pháp thanh tịnh thì không có thanh tịnh, không có không thanh tịnh, là chân thật thanh tịnh. Thật tướng Bát-nhã là Thể của vạn

pháp, quán chiếu sâu xa thì các đức này có nơi nương tựa, cho nên nói là Thân.

Tám: Vận dụng Thân thông đi cùng với Trí, cho nên vô ngại mà ứng hiện.

Chín: Tiến sâu vào pháp, lìa xa cấu nhiễm của ngôn thuyết.

Mười: Trí dựa theo pháp Phật làm thanh tịnh Sở tri chướng, hàm chứa đầy đủ các đức.

Trong phần sau từ “Như thị...” trở xuống là kết luận, trình bày về pháp tăng tiến trải qua phụng sự chư Phật, cho nên nói là mười ngàn pháp môn. Nói đến thông đạt là giải thích về lập tức đạt được (Tức đắc) trước đây.

Phần 3: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là ca ngợi về đức mà khuyến khích đi đến, văn phân làm hai: Trước là nói kệ, sau là lợi ích của kệ.

Trong phần nói kệ phân ba: Một: Có một kệ ca ngợi về gặp được niềm vui hiếm có. Hai: Có bảy kệ ca ngợi về đức thù thắng của Phật, trong đó có ba: Đầu là ba kệ về Thân nghiệp, tiếp là ba kệ về Ngữ nghiệp, sau cuối là một kệ về Ý nghiệp. Ba: Có hai kệ khuyến khích mọi người cùng nhau hưởng về.

Phần sau từ “Chư Phật tử...” trở xuống là lợi ích của kệ, có thể biết.

Phần 4: Từ “Thời Đại Uy Quang...” trở xuống là quyền thuộc cùng nhau hưởng về.

Phần 5: Từ “Kỳ Phật...” trở xuống là nghe kinh tỏ ngộ mà tiến vào, văn phân làm ba: a- Phật vì chúng mà thuyết kinh; b- Đương cơ đạt được lợi ích; c-Như Lai khen ngợi nói rõ.

Phần a: Phật vì chúng mà thuyết kinh: Kinh là Chủ, Đại Phương Quảng là Thể tánh của pháp giới, Phật là thanh tịnh, Hoa Nghiêm là trang nghiêm. Có nhiều quyền thuộc, là hiển bày về giáo pháp viên mãn này.

Phần b: Từ “Bỉ chư...” trở xuống là đương cơ đạt được lợi ích, cũng có mười lợi ích. Đã nói là Đại chúng, hoặc một người đạt được một lợi ích, hoặc đạt được hai-ba-bốn, hoặc đạt được đầy đủ mười lợi ích. Bởi vì Uy Quang trước đã chứng cho nên lược qua mà không nêu ra, nhưng nói Đại chúng thì cũng đã bao hàm rồi. Vì vậy tiếp phần sau là Phật khen ngợi. Nhưng mười sự lợi ích này sơ lược đưa ra hai cách giải thích:

Cách thứ nhất: Như thứ tự phối hợp với mười Địa-mười Độ, hoặc chọn lấy nghĩa của Địa, hoặc chọn lấy nghĩa của Độ, thông hiểu tất cả các pháp xưa nay thanh tịnh, gọi là Trí thanh tịnh; không giữ lấy tướng

thanh tịnh thì gọi là phương tiện, tức là Trí tiến vào chứng của Địa thứ nhất. Hai là Địa thứ hai lìa xa cấu nhiễm của pháp giới, là chướng đã trừ diệt, soi chiếu các phẩm thiện tức là ánh sáng của Giới. Ba tức là Nhẫn độ, Nhẫn là tất cả mọi điều yêu thích trang nghiêm bậc nhất. Bốn là tất cả quốc độ đều tiến vào, tất cả các pháp đều soi chiếu, tất cả các kiến giải đều thanh tịnh, là vì tinh tiến mở rộng thêm các hạnh; giải thích dựa theo nghĩa của Địa, thì dùng các đạo phẩm đốt cháy vô tận phiền não mà thành tựu vô biên ánh sáng. Năm là hướng về các hạnh có thể hòa vào thế tục, Thiền độ tăng trưởng cho nên tánh có thể lìa xa cấu nhiễm, trải qua thế tục giáo hóa chúng sinh thành tựu vô lượng phước đức (Phước đức vân), không mê muội Thật lý mà làm ánh sáng trên cột cao (Quang minh tràng). Sáu là Bát-nhã hiện rõ trước mắt gọi là tùy thuận tiến vào chứng đắc, soi chiếu duyên khởi sâu xa gọi là ánh sáng của vô lượng pháp. Bảy là công dụng đã vượt xa, sắp tiến vào nơi không có dụng công là phát khởi sâu xa, Quyên-Thật vô ngại là Đại trang nghiêm. Tám là thấy rõ Thật tánh của pháp, không có dụng công mà tu tập là kiến giải vô cùng tuyệt diệu, nhờ vào trí tuệ này cho nên lại được Quán đảnh, kinh Nhân Vương nói: “Ba Địa sau đều trừ bỏ vô minh, đều không có dụng công, không phải là Địa thuộc Quán đảnh mà chính là Trí thuộc Quán đảnh.” Chín là hiển bày rõ ràng về bệnh và thuốc là tướng của Công đức hải, biện tài ứng hiện khắp nơi giống như bóng trăng tỏa ra ánh sáng. Mười là Trí tròn vẹn lìa xa chướng ngại, mới đối với nguyện của Phật mà phát sinh tin hiểu, cho nên nói là sinh ra.

Cách thứ hai: Mười môn trên đây, tùy theo mỗi một sự việc để thiết lập tên gọi ấy, không hẳn hoàn toàn đem phối hợp với phần vị của Địa, hoặc phối hợp với tất cả các phần vị, hoặc là không theo thứ tự, bởi vì người thì vô lượng mà tùy theo sự chứng nhập không giống nhau, Phổ Hiền khéo léo thuyết giảng, cho nên văn hàm chứa nhiều nghĩa.

Phần c: Từ “Thời bỉ...” trở xuống là Như Lai khen ngợi nói rõ, mười kệ phân hai: Sáu kệ trước khen ngợi về đức thù thắng ấy đã đầy đủ sẽ thành tựu quả cao nhất, đều nửa kệ trước là nói về đã đạt được, nửa kệ sau là nói về sẽ chứng đắc, chỉ có ba câu ở kệ thứ tư là nói về nhân. Bốn kệ sau nói về hành đầy đủ nhân của Phật thì sẽ chứng giống như Phật, đều ba câu trước nêu ra hành của Phật, một câu sau nói về đầy đủ đức của Phật. Nhưng trong này khen ngợi nói rõ, so với phần Uy Quang gặp Phật đạt được lợi ích trước đây và do Đại chúng hướng về mà đạt được lợi ích, có nhiều nghĩa giống nhau, thì tất nhiên nói rõ phần trước để có thể dùng ý làm cho văn dần mất đi.

Gặp được vị Phật thứ ba, văn phân làm sáu:

Một: Thời gian Như Lai xuất thế, là lúc vị Phật trước diệt hậu...

Hai: Từ “Bỉ Ma-ni...” trở xuống là chính thức trình bày về Phật xuất hiện ở thế gian; thiết lập danh hiệu của Phật, là Công Đức Hải đầy đủ không có gì thêm nữa.

Ba: Từ “Thời Đại Uy Quang...” trở xuống là Uy Quang hướng đến cúng dường.

Bốn: Từ “Thời bỉ Như Lai...” trở xuống là Phật vì chúng mà thuyết kinh, thấy tất cả các pháp cho nên gọi là Phổ Nhãn, dùng Tuệ làm tánh cho nên nói là Quang Minh, ví như một Nhãn tức là mười Nhãn, dung thông không có chướng ngại, ngoài Nhãn không có pháp mới thật sự là Phổ Nhãn. Bởi vì các Duyên phát khởi, thấy thì Duyên đều là căn, Nhân chìm trong quả, Duyên đều gọi là Nhân. Vì vậy, toàn bộ sắc là Nhân, luôn luôn thấy sắc mà không có Duyên; toàn bộ Nhân là sắc, luôn luôn xứng với thấy mà không phải là Ngã.

Năm: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là Uy Quang đạt được lợi ích. Năm Độ đều là phước, Định là rộng lớn nhất, tất cả đều vắng lặng soi chiếu gọi là Phổ Quang Minh. Từ “Đắc thử dĩ...” trở xuống là làm sáng tỏ về Dụng của Định ấy. Nói về phước-không phải phước, tóm lược có hai ý: 1- Phước tức là Thiệu, không phải phước là Tội; 2- Phước tức là Tướng, không phải phước là Tánh. Bởi vì Tánh-Tướng đều hiểu rõ, cho nên kinh nói: Phước đức tức là không phải tánh phước đức. Đây chính là sâu xa, hiểu rõ tất cả là rộng lớn, cho nên có chữ Hải. Gặp được vị Phật thứ nhất chỉ đạt được mười, bởi vì tự lực chưa thù thắng. Gặp được vị Phật thứ hai thì có mười ngàn, bởi vì đạo chuyển biến sâu xa. Nay chỉ có một, bởi vì đạo đã đầy đủ.

Sáu: Từ “Thời bỉ Phật...” trở xuống là Như Lai riêng biệt thọ ký, có mười một kệ phân bốn: 1- Có bốn kệ hiển bày về tâm Bồ-đề đầy đủ, đó là kệ một nói về có Nguyên, kệ hai nói về có Bi, kệ bốn nói về có ánh sáng của Trí, kệ ba gồm đủ Tinh tiến, bởi vì nổi thông thúc đẩy ba tâm, tâm Bồ-đề tròn vẹn thì sẽ thành tựu Diệu Trí. 2- Có bốn kệ nói về tiến vào cảnh giới của Phật trước đây. 3- Có một kệ nêu ra tướng của quả ấy đạt được giống như chư Phật. 4- Có hai kệ khen ngợi về hiện tại có thể hành hạnh Lợi tha, trú trong hạnh của Phổ Hiền.

Gặp được vị Phật thứ tư, văn phân làm bốn: Một: Nói về Phật xuất thế; Hai: Thiên Vương đến cúng dường; Ba: Như Lai thuyết pháp; Bốn: Đạt được lợi ích quay trở về.

Một: Dựa theo Tướng thì mắt giống như hoa sen xanh, dựa theo

Đức thì tâm không có cấu nhiễm. Tướng-Đức biểu hiện cao vời, danh xưng nổi bật bên ngoài, phá tan tà đạo-mọi người đều hướng về, cho nên nói là Tràng.

Hai: Từ “Thị thời...” trở xuống là Thiên Vương đến cúng dường, trong đó có hai: 1- Trình bày về tiến lên thực hành hạnh Bồ-tát, Báo xứ là Thiên cung, khu thành này tức là một trong những khu thành đã nêu ra ở đầu phẩm; 2- Nhận biết Phật là nơi đáng hướng về, cho nên mang hoa đến cúng dường.

Ba: Từ “Thời bỉ...” trở xuống là Như Lai thuyết kinh. Nói về phương tiện, tóm lược có ba loại: 1- Không có Thật thì Quyền thi thiết mà làm phương tiện khéo léo; 2- Lý vốn không có ngôn từ, nhờ vào ngôn từ mà nói ra là Đại phương tiện; 3- Quyền và Thật không đắm vào, cũng là Đại phương tiện. Sự-Lý đều làm sáng tỏ mới nói là Phổ Môn.

Bốn: Từ “Thời Thiên Vương...” trở xuống là trong phần đạt được lợi ích quay trở về, nghe pháp Phổ Môn trước đây là an trú trong Chánh thọ, pháp hỷ vô tận cho nên gọi là Tạng, từ đó chứng đạt các Thật tướng hải. Trong kiếp này, các Đức Như Lai xuất hiện nhiều như số vi trần của mười núi Tu-di, nay chỉ nói đến bốn vị. Lại không có phần kết luận nối thông xưa nay hiện chứng đạt được lợi ích..., là bởi vì kinh đưa ra chưa hết. Nếu kết luận nối thông, thì nên nói là: Bồ-tát Đại Uy Quang thời bấy giờ, chính là Đức Tỳ-lô Giá-na...

Hội nói về nhân quả đã tin tưởng và phụng thờ, xong.
